

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M'ĐRẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST  
Ngày 30 tháng 8 năm 2019  
“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín  
dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đức Hợi;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Giang; Ông Y Đo Niê

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 53/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng N. Trụ sở: Số 02, L, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lưu Hải T – Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 55, đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

*Người được ủy quyền lại:* Ông Đỗ Ngọc T Theo văn bản ủy quyền số: 185/NHNoMDR-UQ ngày 29/8/2019. Có mặt.

**- Bị đơn:** Vợ chồng anh Trần Văn T, sinh năm 1985, chị Hà Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 01, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh T, chị T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 và các lời khai của người đại diện cho nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/02/2017 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk (viết tắt là Ngân hàng) ký kết hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201700306 với vợ chồng

anh Trần Văn T, chị Hà Thị T vay số tiền 410.000.000đồng. Ngày trả nợ gốc 23/02/2018, tiền lãi trả theo kỳ gốc. Lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Có bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 10/2015/BĐTV ngày 15/01/2015 là quyền sử dụng đất diện tích 20.880m<sup>2</sup> thửa số 92, 16 tờ bản đồ 8, 9 tại thôn 1, xã C, huyện M đã được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ) số BA-439848 ngày 14/10/2013 cho anh T, chị T và tài sản trên đất nhà xây cấp 4, diện tích xây dựng 100m<sup>2</sup>.

Ngày 12/7/2017 Ngân hàng tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201701435 cho vợ chồng anh T vay 240.000.000đồng. Ngày trả nợ gốc 04/7/2018, tiền lãi trả theo kỳ gốc. Lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Có bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số D72/2015/BĐTV ngày 26/5/2015 là quyền sử dụng đất diện tích 17.815,6m<sup>2</sup> thửa đất số 07, 18, 19 tờ bản đồ 8 đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số BA-439798 ngày 04/9/2013 cho anh T, chị T.

Do vợ chồng anh T chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu buộc vợ chồng anh T phải trả số nợ tính đến ngày 30/8/2019 là 869.370.137đồng (gồm 650.000.000.000đồng nợ gốc và 219.370.137đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201700306 ngày 24/02/2017 và hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201701435 ngày 12/7/2017).

Từ ngày 31/8/2019 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Nếu vợ chồng anh T chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật.

\* Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho vợ chồng anh T chị T theo quy định của Pháp luật, nhưng vợ chồng anh T không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Bị đơn vợ chồng anh T chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, việc Tòa án niêm yết văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vắng mặt vợ chồng anh T, chị T là đúng quy định của pháp luật.

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại: thôn 01, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn vợ chồng anh T, chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

2.1. Nguyên đơn cung cấp hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết số 5210-LAV-201700306 và 5210-LAV-201701435. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bên vay đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 10/2015/BĐTV ngày 15/01/2015 và D72/2015/BĐTV ngày 26/5/2015 đã được chứng thực tại UBND xã C, huyện M. Các bên giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung hợp đồng ghi nhận khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu bên vay không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc, lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại nợ gốc, lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bên vay không thực hiện đúng với nội dung hợp đồng đã cam kết. Do đó, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở, nên HĐXX căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng đối với nguyên đơn.

2.2. Đối với khoản tiền mà Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh T chị T phải trả 869.370.137đồng, đây là khoản tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Xét yêu cầu của ngân hàng đối với khoản tiền cho vay cũng như tiền lãi phát sinh là phù hợp với nội dung hợp đồng mà hai bên đã cam kết, bởi anh T và chị T kể từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử là chưa thanh toán một khoản tiền nào cho Ngân hàng. Do vậy cần buộc vợ chồng anh T chị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh (tính đến ngày 30/8/2019) là 869.370.137đồng.

2.3. Anh T là người ký hợp đồng tín dụng vay vốn nhưng anh T và chị T là vợ chồng, chị T đã ủy quyền cho anh T ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, mục đích vay vốn là để sử dụng chung cho việc phát triển kinh tế của gia đình, nên anh T và chị T cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

2.4. Kể từ ngày 31/8/2019 vợ chồng anh T, chị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.5. Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích 20.880m<sup>2</sup> đất thửa 92, 16 tờ bản đồ 8, 9 tại thôn 1, xã C, huyện M đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số BA-439848 ngày 14/10/2013 cho anh T, chị T và tài sản trên đất nhà xây cấp 4, diện tích xây dựng 100m<sup>2</sup> (hợp đồng thế chấp số 10/2015/BĐTV ngày 15/01/2015) và quyền sử dụng diện tích 17.815,6m<sup>2</sup> thửa 07, 18, 19 tờ bản đồ 8 tại thôn 1, xã C, huyện M đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số BA-439798 ngày 04/9/2013 cho anh T, chị T (hợp đồng thế chấp số D72/2015/BĐTV ngày 26/5/2015). Đây là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng anh T, chị T đã thế chấp nhằm bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, trong trường hợp vợ chồng anh T, chị T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn vợ chồng anh T chị T phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn {36.000.000đồng + (69.370.137đồng x 3%)}.  
Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 137; Điều 138, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Buộc vợ chồng anh Trần Văn T, chị Hà Thị T phải trả cho Ngân hàng N số tiền 869.370.137đồng

Kể từ ngày 31/8/2019 vợ chồng anh T chị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng anh T chị T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ.

## 2. Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng anh T, chị T phải chịu 38.081.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk 18.720.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006260 ngày 27/6/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrắk.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

### **Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**Võ Đức Hợi**